TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 42 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Cúc**
2. Bà Trần Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lan Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Minh Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 468/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Minh H, sinh năm: 198X; Hộ khẩu thường trú: Số 23 phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội. Tạm trú: Khu 7 Tổ 47 phường V, quận H, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn*: Anh Lê Việt C, sinh năm: 198X; Hộ khẩu thường trú: Số 23 phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T – Thanh Hóa.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/6/2017, bản tự khai ngày 15/6/2017, nguyên đơn – Chị Nguyễn Minh H trình bày:

Chị và anh Lê Việt C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Hà Nội.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến

vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh C không thay đổi vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh C đang phải chấp hành án về tội ma túy tại Trại giam T – Thanh Hóa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C để cả hai bên được ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Chị và anh C có 01 con chung tên là: Lê Kim N – Sinh ngày: 06/6/200X. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề bán hàng tự do, thu nhập khoảng 8 – 9 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nhà ở chung:* Chị H xác định chị và anh C không có tài sản chung và nhà ở chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ:* Chị H xác định chị và anh C không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 tại Trại giam T – Thanh Hóa, bị đơn – anh Lê Việt C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con. Tháng 6/2016 anh bị Công an bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tháng 11/2016 anh bị Tòa án nhân dân quận H xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam T – Thanh Hóa. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Anh và chị H có 01 con chung tên là: Lê Kim N – Sinh ngày: 06/6/200X. Vì hiện nay anh không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên anh đồng ý giao con cho chị H nuôi. Đề nghị chị H phải làm tròn trách nhiệm và trực tiếp nuôi con chung. Anh đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nhà ở chung:* Anh C xác định anh và chị H không có tài sản chung và nhà ở chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ:* Anh C xác định anh và chị H không vay nợ ai và không ai vay nợ của vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình theo đơn xin ly hôn của chị H và các tài liệu kèm theo nộp cho Tòa án, anh không có ý kiến gì và cũng không có tài liệu gì giao nộp cho Tòa án.

Vì điều kiện hiện nay anh không thể có mặt trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, anh C đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án này.

Ngoài ra anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

***Tại phiên tòa*:**

- Chị H vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh C để ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh C đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T – Thanh Hóa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh C. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Do anh C đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T – Thanh Hóa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục lấy lời khai, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Anh C đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án này. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Minh H và anh Lê Việt C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 01 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mối quan hệ hôn nhân của chị H và anh C: Quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Ngày 25/6/2016 anh C bị bắt tạm giam về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 22/11/2016 anh C bị Tòa án nhân dân quận H – thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh C đang chấp hành án tại Trại giam T – Thanh Hóa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C để cả hai bên được ổn định cuộc sống. Việc chị H có yêu cầu xin ly hôn thì anh C đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện anh C đang phải chấp hành án phạt tù do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Bản thân anh không thể đem lại hạnh phúc cho chị H, không thể cùng chị H xây dựng một gia đình hạnh phúc. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh C là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. *Về con chung:* Chị H và anh C có 01 con chung tên là: Lê Kim N – Sinh ngày: 06/6/200X. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề bán hàng tự do, thu nhập khoảng 8 – 9 triệu đồng/tháng. Vì hiện nay anh C không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên anh đồng ý giao con cho chị H nuôi. Anh C đề nghị chị H phải làm tròn trách nhiệm và trực tiếp nuôi con chung. Anh đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện anh C đang chấp hành án phạt tù nên không thể có điều kiện về thời gian cũng như về kinh tế để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Lê Kim N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N muốn được ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh C đang chấp hành án phạt tù nên không thể có điều kiện về kinh tế để cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Chị H và anh C xác nhận không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về công nợ*: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị H, anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Minh H đối với anh Lê Việt C. Chị H được ly hôn anh C.

2. *Về con chung:* Chị H và anh C có 01 con chung tên là: Lê Kim N – Sinh ngày: 06/6/200X.

Giao con chung là Lê Kim N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Chị H và anh C xác nhận không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về công nợ*: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AC/2015/0002783 ngày 14.6.2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh C. Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt Bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND phường T, quận H, Hà Nội;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lan Chi